

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NÔNG SƠN  
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: .../2024/HNGĐ - ST

Ngày 03/5/2024

Về: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG SƠN, TỈNH QUẢNG NAM**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Phúc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phan Thị Ngọc Dung

2. Bà Hồ Thị Hoàng Nga

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Hồ Thị Hoàng Sa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Sơn tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 61/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2023 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST - HNGĐ, ngày 10/4/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị NG, sinh năm: 2000;

Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn Mậu Long, xã Ninh Phước, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam; hiện trú tại: Số:

- Bị đơn: Anh Trần Công NGH, sinh năm 1998;

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn Bình Yên, xã Phước Ninh, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự trình bày:*

### 1. Nguyên đơn chị Trương Thị NG trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị NG và anh Trần Công NGH tự nguyện xác lập đời sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 11/3/2020 tại UBND xã Phước Ninh, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không tự giải quyết được. Nguyên nhân, theo chị NG, là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường hay cãi vã, đôi lần anh NGH có hành vi bạo lực đối với chị; từ khi nộp đơn ly hôn đến Tòa án, chị NG bỏ nhà đến sống với gia đình cậu của chị tại thành phố Hồ Chí Minh và hiện tại, vợ chồng không còn chung sống với nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết để chị được ly hôn anh Trần Công NGH.

- Về con chung: Vợ chồng NG và anh NGH có một con chung là Trần Công Tiến, sinh ngày 04/9/2020. Sau khi kết hôn, chung sống thì vợ chồng chị cùng với cháu Tiến sống cùng với gia đình anh NGH tại thôn Bình Yên, xã Phước Ninh, huyện Nông Sơn. Khi chị nộp đơn ly hôn tại Tòa án thì chị rời bỏ gia đình đến sinh sống cùng với gia đình cậu của chị tại thành phố Hồ Chí Minh để làm trầm hương, thu nhập khoảng từ 8 đến 9 triệu đồng/tháng; khi đi, chị không trao đổi gì với anh NGH về việc trông nom con chung, vì điều kiện xa nhà nên chị không về thăm cháu cũng không liên lạc với anh NGH, gia đình anh NGH để thăm hỏi con; con chung hiện đang sống cùng với anh NGH và gia đình anh NGH tại thôn Bình Yên, xã Phước Ninh, huyện Nông Sơn. Khi ly hôn, chị NG có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con đến khi cháu thành niên và không yêu cầu anh NGH cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Chị Trương Thị NG không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, chị NG trình bày, hiện tại vợ chồng không có các khoản nợ chung.

2. Bị đơn Trần Công NGH thống nhất với những lời trình bày của chị NG về quá trình chung sống vợ chồng, kết hôn, có con chung và những mâu thuẫn hiện nay của vợ chồng.

- Về quan hệ hôn nhân, anh NGH trình bày, sau khi chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 2020, vợ chồng sống cùng với gia đình anh tại thôn Bình Yên, xã Phước Ninh, huyện Nông Sơn. Tuy nhiên, đời sống vợ chồng của họ không được hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, không có tiếng nói chung nên thường hay cãi vã; sau khi nộp đơn ly hôn tại Tòa án thì chị NG tự ý bỏ nhà đi và hiện tại vợ chồng không còn chung sống với nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị NG kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn nên anh NGH cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung, anh NGH thống nhất với lời trình bày của chị NG về việc vợ chồng anh có một con chung là Trần Công Tiến, sinh ngày 04/9/202. Anh NGH cho

rằng, khi còn chung sống thì cháu Tiến sống cùng vợ chồng anh và gia đình anh tại thôn Bình Yên, xã Phước Ninh, huyện Nông Sơn; khi vợ chồng mâu thuẫn thì chị NG tự ý rời bỏ gia đình, bỏ anh và con để sinh sống ở nơi khác, anh không biết hiện nay chị NG đang làm gì, ở đâu; chị NG không có liên lạc với anh cùng với gia đình anh để thăm hỏi con; anh một mình chăm sóc con từ tháng 12/2023 cho đến nay; anh có điều kiện về thời gian, chỗ ở ổn định và làm doanh nghiệp trầm hương với thu nhập trung bình khoảng 15 đến 20 triệu đồng mỗi tháng nên có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con. Do đó, anh Trần Công NGH đề nghị được trực tiếp nuôi con chung là Trần Công Tiến, sinh ngày 04/9/2020 cho đến khi cháu Tiến thành niên và không yêu cầu anh chị NG cấp dưỡng cho con.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự thống nhất với việc giao nộp, tiếp cận, công khai các tài liệu, chứng cứ được thu thập, có trong hồ sơ vụ án của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và việc công bố tài liệu chứng cứ tại phiên tòa. Tòa án đã tiến hành nhiều phiên hòa giải để các đương sự tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết nội dung vụ án. Tuy nhiên, các đương sự không thống nhất đoàn tụ vợ chồng để tiếp tục chung sống và xây dựng gia đình hạnh phúc mà cùng đề nghị Tòa án giải quyết để họ được ly hôn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nông Sơn cho rằng quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Về quan điểm giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự; về con chung, xét thấy anh NGH có điều kiện tốt hơn để trực tiếp nuôi con chung nên đề nghị HĐXX giao cháu Trần Công Tiến cho anh NGH trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Tiến thành niên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Trương Thị NG khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Trần Công NGH, sinh năm 1998, trú tại thôn Bình Yên, xã Phước Ninh, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo đó, căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án là Ly hôn, tranh chấp nuôi con, quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị NG và anh Trần Công NGH xác lập quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 11/3/2020 tại UBND xã Phước Ninh, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam; việc chung sống và đăng ký kết hôn của họ là tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc, không vi phạm điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Từ đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Trương Thị NG và anh Trần Công NGH là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị NG và anh NGH chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân theo các bên thừa nhận là do bất đồng quan điểm sống và tính cách nên vợ chồng hay cãi nhau và không quan tâm đến nhau, hiện tại vợ chồng không còn sống chung với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng chị NG và anh NGH có nhiều mâu thuẫn không tự giải quyết được, được gia đình can thiệp nhưng không có kết quả; Tòa án đã hòa giải nhiều lần để họ đoàn tụ nhưng không thành; cả hai đều vi phạm quyền và NGH vụ của vợ chồng làm cho đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị NG và anh NGH tự nguyện ly hôn, việc tự nguyện ly hôn của họ không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần công nhận để họ được ly hôn.

[2.2]. Về con chung:

- Về người trực tiếp nuôi con:

Xét điều kiện, khả năng thực tế trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của chị NG và anh NGH thì thấy: Tại thời điểm giải quyết vụ án, theo các đương sự trình bày và thừa nhận, chị NG và anh NGH đều có việc làm, được xác định là lao động có thu nhập và hợp pháp; chị NG và anh NGH đều không bị hạn chế quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định pháp luật. Và, do đó, cả hai đều được xác định là có khả năng để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con khi ly hôn. Chị NG và anh NGH đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung là cháu Trần Công Tiến; họ không thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy: Cháu Trần Công Tiến từ khi sinh ra cho đến nay đã được sống cùng, được nhận sự chăm sóc của vợ chồng chị NG, anh NGH và có được sự hỗ trợ từ người thân trong gia đình anh NGH, có môi trường sống ổn định; chị NG, theo chị trình bày, từ khoảng tháng 12/2023 đến nay, khi chị NG rời khỏi gia đình anh NGH để đến sống tại thành phố Hồ Chí Minh, ở cùng với gia đình cậu của chị thì chị không có trao đổi với anh NGH về việc rời đi đó, việc trông nom, chăm sóc con như thế nào; chị không

có liên lạc với anh NGH, hoặc với gia đình anh NGH để thăm hỏi, động viên con và vì điều kiện xa nhà nên chị không trực tiếp về thăm cháu. Xét việc chị NG tự ý rời bỏ gia đình, bỏ con khi vợ chồng mâu thuẫn là vi phạm NGH vụ của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; khi không còn sống chung chị NG không thăm hỏi, động viên hoặc về để thăm nom con; chị NG hiện đang sống nhờ cùng với gia đình cậu của chị tại thành phố Hồ Chí Minh, chỗ ở không ổn định nên không đủ khả năng thực tế để trực tiếp nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giao cháu Tiến cho anh NGH trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Tiến thành niên là phù hợp pháp luật, đảm bảo sự phát triển tốt nhất về thể chất, tâm thần và tình cảm của cháu Trần Công Tiến.

- Về cấp dưỡng nuôi con, anh NGH không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và thực hiện NGH vụ về tài sản chung của vợ chồng: Các đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết phân chia tài sản chung và trình bày hiện tại vợ chồng không có các khoản nợ chung nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Các đương sự có NGH vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 235, 264, 266 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

**1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị NG.**

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện ly hôn của chị Trương Thị NG và anh Trần Công NGH. Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ thời điểm Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung:

Giao cháu Trần Công Tiến, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2020 cho anh Trần Công NGH trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Tiến thành niên.

Các đương sự không có NGH vụ cấp dưỡng cho con.

Quyền và NGH vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Tòa án có thể xem xét, quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con; buộc thực hiện NGH vụ cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật, nếu có yêu cầu.

2. Về án phí: Chị Trương Thị NG có NGH vụ chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị NG đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0020266 ngày 14/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể ngày tuyên án (ngày 03/5/2024).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự (*để thi hành*);
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Viện KSND huyện Nông Sơn;
- Chi cục THADS huyện Nông Sơn;
- UBND xã Phước Ninh, Nông Sơn;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hữu Phúc**